

Bản án số: 20/2022/DS-ST  
Ngày 19-9-2022  
V/v Tranh chấp chia thừa kế

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG - TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Cư.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Văn Luận.
2. Ông Phan Thanh Xuân.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Xuân Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng tham gia phiên tòa:**  
Ông Lê Công Hậu – Kiểm sát viên.

Vào các ngày 15-9-2022 và ngày 19-9-2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 200/2021/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2021 về “*Tranh chấp chia thừa kế*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2022/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Ủ, sinh năm 1970 (có mặt).  
Địa chỉ: ấp K10, xã Phú Hiệp, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.
2. Bị đơn: Anh Nguyễn Trung Đ (con ông Ủ), sinh năm 1997 (có mặt).  
Địa chỉ: ấp Thống Nhất, xã Bình Phú, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.
3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân huyện Tân Hồng. Địa chỉ: khóm 3, thị trấn SaRài, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.  
Đại diện là ông Mai Văn Siêng, chức vụ Chủ tịch UBND huyện Tân Hồng (có đơn xin vắng mặt).
4. Người làm chứng:
  - 4.1 Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1969;
  - 4.2 Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1990;

4.3 Anh Nguyễn Thành S, sinh năm 2000;

4.4 Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 2007.

Đại diện hợp pháp cho Nguyễn Thị Ngọc H là bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1969. Cùng địa chỉ: ấp Thống Nhất, xã Bình Phú, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp (tất cả đều có mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm ông Nguyễn Văn Ủ trình bày: nguồn gốc di sản thừa kế là của cha, mẹ ông Ủ (là ông Nguyễn Văn Út đã chết năm 2020 và bà Nguyễn Thị Đàm đã chết 2008) khai mở gồm: diện tích đất ruộng và đất ở. Đối với phần diện tích đất ruộng thì đã được Tòa án hai cấp giải quyết và đã có hiệu lực pháp luật còn diện tích đất ở  $2.032,18m^2$  tọa lạc tại ấp Thống Nhất, xã Bình Phú, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp (cập lộ đường Thống Nhất thuộc ấp Thống Nhất, xã Bình Phú chưa được cấp giấy chứng nhận QSDĐ). Sau khi ông Út chết thì anh Đ (là con ông Ủ) quản lý, sử dụng.

Theo đơn khởi kiện thì ông Ủ yêu cầu Tòa án giải quyết là được hưởng di sản thừa kế của ông Út, bà Đàm, buộc anh Nguyễn Trung Đ trả lại phần diện tích đất ở  $2.032,18m^2$  tọa lạc tại ấp Thống Nhất, xã Bình Phú, huyện Tân Hồng. Nhưng qua xem xét, thẩm định tại chỗ thì phần di sản là quyền sử dụng đất mà ông Ủ yêu cầu có tổng diện tích  $1.844m^2$  do đó ông Ủ yêu cầu anh Đ trả lại diện tích  $1.844m^2$ . Ngoài phần diện tích đất và tài sản nêu trên thì còn phần diện tích đất mồ mã chôn cất ông bà gồm ông Út, bà Đàm, bà Bảnh thì ông Ủ có ý kiến là phần đất này để chôn cất dòng họ, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại buổi hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm thì ông Ủ thống nhất cho anh Đ tiếp tục quản lý, sử dụng đối với diện tích chiều ngang 05m, chiều dài từ đường Thống Nhất đến kênh Thống Nhất và trên đất là căn nhà sàn kết cấu bằng gỗ tạp vách tol, mái tol (nhà của ông Út để lại).

Về giá trị di sản tranh chấp gồm: giá trị đất, căn nhà sàn bằng gỗ tạp diện tích  $63m^2$ , cây bạch đàn, cây ô môi, cây me tây, gốc me và bụi tre ông Ủ thống nhất thỏa thuận như sau:

+ Đối với giá trị đất thì có giá trị là 150.000đồng/ $1m^2$ .

+ Đối với căn nhà sàn kết cấu bằng gỗ tạp, vách tol, mái tol diện tích  $63m^2$  có giá trị là 50.000.000đồng.

+ Các cây trồng như: cây bạch đàn; cây ô môi; cây me tây; các gốc me; bụi tre có tổng giá trị là 3.000.000đồng.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ ông Ử tự nguyện chịu, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn đối với các cây trồng trên đất tranh chấp thì Tòa án giải quyết phần diện tích đất thuộc ai hưởng thì người đó được quyền quản lý, sử dụng cây trồng trên đất luôn.

- Theo lời trình bày của bị đơn anh Nguyễn Trung Đ: anh Đ thừa nhận là con ruột của ông Nguyễn Văn Ử và bà Nguyễn Thị T. Từ khi anh Đ sinh ra và lớn lên thì anh Đ sống chung với ông bà nội là ông Nguyễn Văn Út và bà Nguyễn Thị Đàm. Theo anh Đ được biết nguồn gốc đất tranh chấp là của ông nội khai mở từ năm 1954 và ông bà sử dụng cất nhà ở và trồng cây lâu năm và làm ruộng. Sau đó Nhà nước mức đất đồ lộ trúng vào đất ông bà chia đất thành 02 phần, một phần nằm cặp lộ, cặp kênh Thống Nhất diện tích khoảng 1.300m<sup>2</sup> trên đất có căn nhà và cây lâu năm. Một phần nằm cặp lộ là đất ao cặp đất ruộng. Hai phần đất trên chưa được cấp giấy chứng nhận QSDĐ. Trong thời gian ông bà nội quản lý, sử dụng đất thì ông Ử ở với mẹ anh Đ (bà T) trên cụm Gò Cát, xã Bình Phú, không có ở chung với ông bà nội.

Năm 2015 ông nội tranh chấp phần đất ruộng với ông Ử thì được Tòa án 02 cấp xét xử bảo vệ quyền lợi cho ông nội, buộc ông Ử phải trả lại đất. Cơ quan thi hành án đã thi hành xong. Sau đó ông nội mới tặng cho phần đất ruộng này lại cho các anh chị em của anh Đ (gồm: chị M, anh Đ, anh S và Ngọc H). Riêng phần đất ở hiện đang tranh chấp thì vào năm 2019 ông nội làm đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất thì ông Ử ngăn cản nên không đăng ký được, đến năm 2020 ông nội chết cho đến nay anh Đ vẫn còn ở trên đất tranh chấp và thờ cúng ông bà gồm: ông Út, bà Đàm và bà Bảnh (bà Bảnh là bà mẹ của bà Đàm).

Cho nên qua yêu cầu khởi kiện của ông Ử thì anh Đ không đồng ý, anh Đ chỉ đồng ý để lại cho ông Ử 01 phần đất chiều ngang 13,91m, chiều dài từ lộ đường Thống Nhất xuống bờ kênh Thống Nhất. Phần diện tích còn lại và nhà anh Đ yêu cầu được tiếp tục sử dụng để thờ cúng ông bà vì ông Ử không có thờ cúng. Ngoài phần diện tích đất và tài sản nêu trên thì còn phần diện tích đất mồ mã chôn cất ông bà gồm ông Út, bà Đàm, bà Bảnh thì anh Đ thống nhất theo ý kiến của ông Ử, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về giá trị di sản tranh chấp gồm: giá trị đất, căn nhà sàn bằng gỗ tạp diện tích 63m<sup>2</sup>, cây bạch đàn, cây ô môi, cây me tây, gốc me và bụi tre anh Đ thống nhất thỏa thuận như sau:

- + Đối với giá trị đất thì có giá trị là 150.000đồng/1m<sup>2</sup>.
- + Đối với căn nhà sàn kết cấu bằng gỗ tạp, vách tol, mái tol diện tích 63m<sup>2</sup> có giá trị là 50.000.000đồng.
- + Các cây trồng như: cây bạch đàn; cây ô môi; cây me tây; các gốc me; bụi

tre có tổng giá trị là 3.000.000đồng.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và các cây trồng trên đất tranh chấp thì anh Đ thống nhất theo ý kiến của ông Ứ.

- Ý kiến của Ủy ban nhân dân huyện Tân Hồng, đại diện là ông Mai Văn Siêng có trong hồ sơ vụ án: Ủy ban nhân dân huyện Tân Hồng đã cung cấp thông tin và tài liệu chứng cứ để phục vụ công tác xét xử, cũng như để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình theo đúng quy định. Ủy ban nhân dân huyện Tân Hồng giữ nguyên những thông tin cung cấp tài liệu cho Tòa án trước đây.

- Ý kiến đại diện Viện kiểm sát:

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng dân sự là đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án: xét thấy, việc ông Ứ yêu cầu hưởng di sản của ông Út để lại là có cơ sở. Tuy nhiên, ông Ứ thống nhất cho một phần di sản của ông Út để lại cho Đ là diện tích đất 130m<sup>2</sup> trên đó có căn nhà sàn kết cấu bằng gỗ tạp, vách tol, mái tol diện tích 63m<sup>2</sup> đây là sự tự nguyện của ông Ứ nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện này.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền: nguyên đơn tranh chấp yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất tọa lạc tại ấp Thống Nhất, xã Bình Phú, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp và bị đơn có nơi cư trú tại ấp Thống Nhất, xã Bình Phú, huyện Tân Hồng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật: nguyên đơn yêu cầu được hưởng di sản của cha, mẹ để lại là diện tích 1.844m<sup>2</sup> và trên đất là căn nhà sàn kết cấu bằng gỗ tạp, vách tol, mái tol cùng các cây trồng gồm: cây bạch đàn, cây ô môi, cây me tây, gốc me và bụi tre nên Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng thụ lý giải quyết là tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND huyện Tân Hồng, người đại diện hợp pháp là ông Mai Văn Siêng đã được tổng đạt, triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt (ông Mai Văn Siêng có đơn xin vắng mặt) nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt là đúng theo quy định.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: bà Nguyễn Thị Đàm chết ngày 04-3-2008 và ông Nguyễn Văn Út chết ngày 25-7-2020, đến ngày 06-10-2021 nguyên đơn có đơn khởi kiện là còn trong thời hạn khởi kiện.

[3] Về hàng thừa kế: nguyên đơn (ông Nguyễn Văn Ủ) và bị đơn (anh Nguyễn Trung Đ) đều xác nhận ông Nguyễn Văn Út và bà Nguyễn Thị Đàm chỉ có một người con duy nhất là ông Nguyễn Văn Ủ. Ngoài ra, căn cứ vào bản án sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 21-3-2018 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp và bản án phúc thẩm số 164/2018/DS-ST ngày 18-7-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đều nhận định ông Nguyễn Văn Ủ là người con duy nhất của ông Nguyễn Văn Út và bà Nguyễn Thị Đàm.

Nguyễn Trung Đ là con của ông Nguyễn Văn Ủ và bà Nguyễn Thị T (ông Ủ, bà T đã ly hôn vào năm 2009), ngoài Đ ra thì ông Ủ, bà T có các con chung gồm: Nguyễn Thị M, Nguyễn Văn S và Nguyễn Thị Ngọc H.

[4] Về di sản thừa kế: theo yêu cầu của nguyên đơn và qua xem xét thẩm định tại chỗ phân diện tích đất 1.844m<sup>2</sup> (chưa được cấp giấy chứng nhận QSDĐ) và căn nhà sàn bằng gỗ tạp diện tích 63m<sup>2</sup>, cây bạch đàn, cây ô môi, cây me tây, gốc me và bụi tre là di sản thừa kế. Căn cứ vào Công văn số: 157/UBND-NC ngày 19-5-2022 của UBND huyện Tân Hồng cung cấp thông tin cũng như ý kiến của đại diện UBND huyện Tân Hồng có trong hồ sơ vụ án, có nội dung như sau:

*“Phần đất tranh chấp thể hiện (tại sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp giữa nguyên đơn ông Nguyễn Văn Ủ và bị đơn Nguyễn Trung Đ) thừa trích đo số 1 đối chiếu với bản đồ 299 thuộc một phần thửa 1270, tờ bản đồ số 7, diện tích 936m<sup>2</sup>; thửa trích đo số 2, hiện trạng là học lộ, diện tích 908m<sup>2</sup>, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.*

*Phần diện tích tranh chấp này là của hộ gia đình, cá nhân. Do đó, được quyền xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định”.*

Còn đối với các cây trồng thì các đương sự đều thống nhất Tòa án giải quyết thuộc trên phân diện tích đất của đương sự nào thì đương sự đó được quyền quản lý, sử dụng. Như vậy, như nhận định trên ông Nguyễn Văn Ủ và anh Nguyễn Trung Đ được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để xác lập quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật đất đai.

[5] Về nội dung vụ án:

Ông Ử yêu cầu được hưởng di sản của ông Út, bà Đàm để lại là diện tích 1.844m<sup>2</sup> (chưa được cấp giấy chứng nhận QSDĐ) và trên đất là căn nhà sàn kết cấu bằng gỗ tạp, vách tol, mái tol diện tích 63m<sup>2</sup> cùng các cây trồng gồm: cây bạch đàn, cây ô môi, cây me tây, gốc me và bụi tre tọa lạc tại ấp Thống Nhất, xã Bình Phú, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp theo quy định pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy: ông Út, bà Đàm chết không để lại di chúc và chính bị đơn là anh Nguyễn Trung Đ thừa nhận phần di sản ông Ử yêu cầu được hưởng nêu trên là tài sản của ông bà nội (là của ông Út, bà Đàm) để lại, anh Đ không có công sức đóng góp hay tôn tạo phần di sản này. Việc thừa nhận này của anh Đ là phù hợp với lời khai của bà T cũng như của chị M, anh S, chị Ngọc H đều xác nhận ông Ử là người con duy nhất của ông Út, bà Đàm và di sản ông Ử yêu cầu là của ông Út, bà Đàm để lại, bà T, chị M, anh Siêng và chị Ngọc H không có công sức đóng góp hay tôn tạo phần di sản này.

Anh Đ cho rằng ông Ử sau khi ly hôn với bà T (mẹ anh Đ) thì ông Ử về huyện Tam Nông sinh sống với bà Phương còn ông Út thì sinh sống với anh Đ tại ấp Thống Nhất, xã Bình Phú, huyện Tân Hồng và trong thời gian này có vụ kiện tranh chấp giữa ông Út với ông Ử và ông Ử thường xuyên xúc phạm đánh đập ông Út, đồng thời hiện nay anh Đ đang quản lý sử dụng căn nhà ông Út để lại cùng phần di sản là QSDĐ mà ông Ử yêu cầu để thờ cúng ông bà, tổ tiên cho nên anh Đ không đồng ý giao phần di sản này cho ông Ử, Hội đồng xét xử nhận thấy: anh Đ không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc ông Ử vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ nuôi dưỡng đối với ông Út để làm cơ sở không chấp nhận yêu cầu của ông Ử và qua bản án sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 21-3-2018 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp và bản án phúc thẩm số 164/2018/DS-ST ngày 18-7-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp cũng như các đương sự thừa nhận ngoài phần di sản hôm nay ông Ử yêu cầu thì ông Út, bà Đàm trước đó có phần diện tích đất ruộng mà trong phần quyết định của 02 bản án nêu trên đã tuyên thì sau khi bản án có hiệu lực pháp luật ông Út đã tặng cho chị M, anh Đ, anh S và chị Ngọc H (tất cả là con của ông Ử, là cháu nội của ông Út), ngoài ra ông Út cũng tặng cho một phần diện tích đất cho ông Ử. Từ đó, cho thấy di sản ông Út chết để lại, ông Út không để lại di chúc việc ông Ử yêu cầu chia thừa kế theo quy định pháp luật là phù hợp theo quy định tại các Điều 611, 612, 623, 649, 650, 651 và 660 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuy nhiên, tại phiên hòa giải và phiên tòa sơ thẩm ông Ử thống nhất cho một phần di sản của ông Út để lại cho Đ là diện tích đất 130m<sup>2</sup> trên đó có căn nhà sàn kết cấu bằng gỗ tạp, vách tol, mái tol diện tích 63m<sup>2</sup> để Đ thờ cúng ông

bà tổ tiên. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện tại ông Ứ không thờ cúng ông bà tổ tiên, việc này là do anh Đ thờ cúng do đó Hội đồng xét xử chấp nhận một phần di nêu trên để cho Đ quản lý, sử dụng là phù hợp theo truyền thống.

[6] Theo biên bản thỏa thuận giá trị đất tranh chấp, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm các đương sự thống nhất thỏa thuận về giá trị di sản tranh chấp gồm: giá trị đất, căn nhà sàn bằng gỗ tạp diện tích 63m<sup>2</sup>, cây bạch đàn, cây ô môi, cây me tây, gốc me và bụi tre, như sau:

+ Đối với giá trị đất thì có giá trị là 150.000đồng/1m<sup>2</sup>.

+ Đối với căn nhà sàn kết cấu bằng gỗ tạp, vách tol, mái tol diện tích 63m<sup>2</sup> có giá trị là 50.000.000đồng.

+ Các cây trồng như: cây bạch đàn; cây ô môi; cây me tây; các gốc me; bụi tre có tổng giá trị là 3.000.000đồng.

Nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện thống nhất của các đương sự.

[7] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ ông Ứ tự nguyện chịu, ông Ứng đã thanh toán xong.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: căn cứ vào các Điều 26 và 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với giá trị tài sản được hưởng di sản thừa kế của ông Út, bà Đàm.

[9] Hội đồng xét xử xét lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát: ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 5, khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, Điều 91, 92, 147, 157, 158, 227, 228, 244, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 611, 612, 623, 649, 650, 651 và 660 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 26 và 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn Ứ về việc hưởng di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn ÚT, bà Nguyễn Thị Đàm theo quy định pháp luật.

Buộc anh Nguyễn Trung Đ giao diện tích đất 354,0m<sup>2</sup> (theo sơ đồ đo đạc ngày 24-6-2022) và diện tích 908,0m<sup>2</sup> (theo sơ đồ đo đạc ngày 15-02-2022) cho ông Nguyễn Văn Ủ quản lý, sử dụng cùng các cây trồng trên đất. Ông Nguyễn Văn Ủ được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để xác lập quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật đất đai.

\* Diện tích đất 354,0m<sup>2</sup> (theo sơ đồ đo đạc ngày 24-6-2022) có vị trí tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp đường Thống Nhất dài 13,91 mét từ M1 đến M2.

Hướng Tây giáp kênh Thống Nhất dài 13,93 mét từ M7 đến M8.

Hướng Nam giáp di sản thừa kế mà Địa được hưởng (giáp diện tích đất căn nhà sàn bằng gỗ tạp) dài 25,96 mét từ M2 đến M7.

Hướng Bắc giáp đất ông Cao Văn Ráng dài 25,19 mét từ M8 đến M1.

\* Diện tích đất 908,0m<sup>2</sup> (theo sơ đồ đo đạc ngày 15-02-2022) có vị trí tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp thửa đất 340 dài 51,39 mét từ M6 đến M7.

Hướng Tây giáp đường đal (đường Thống Nhất) dài 46,10 mét từ M5 đến M8.

Hướng Nam giáp đất ông Đoàn Văn Đông (thửa 363) dài 31,9 mét từ M7 đến M8.

Hướng Bắc giáp đất ông Cao Văn Ráng (thửa 339) dài 26,03 mét từ M5 đến M6.

2. Anh Nguyễn Trung Đ được quyền quản lý, sử dụng di sản thừa kế gồm: diện tích đất 582,0m<sup>2</sup> (theo sơ đồ đo đạc ngày 24-6-2022) cùng căn nhà sàn bằng gỗ tạp diện tích 63m<sup>2</sup> và các cây trồng trên đất. Anh Nguyễn Trung Đ được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để xác lập quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật đất đai.

\* Diện tích đất 582,0m<sup>2</sup> (theo sơ đồ đo đạc ngày 24-6-2022) có vị trí tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp đường Thống Nhất dài 23,31 mét từ M2 đến M3, M4.

Hướng Tây giáp kênh Thống Nhất dài 20,66 mét từ M5 đến M6, M7.

Hướng Nam giáp phần đất còn lại của ông Út (phần diện tích nền mã không tranh chấp) dài 27,48 mét từ M4 đến M5.

Hướng Bắc giáp di sản thừa kế mà ông Ủ được hưởng dài 25,96 mét từ M2 đến M7.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: ông Nguyễn Văn Ủ tự nguyện chịu, ông Ủ đã thanh toán xong.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Nguyễn Văn Ủ phải nộp 9.540.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 2.500.000đồng đã nộp theo biên lai số: 0002509 ngày 13-10-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng. Vậy, ông Nguyễn Văn Ủ còn phải nộp 7.040.000đồng.

- Buộc anh Nguyễn Trung Đ phải nộp 6.940.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm của Tòa án cấp sơ thẩm để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 19-9-2022). Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- Chi cục THADS huyện Tân Hồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Văn Cư**